

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế cuối học kì 1
Năm học 2023 - 2024

	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I. TỔNG SỐ HS	485	94	94	108	101	88
TỔNG SỐ LỚP	15	3	3	3	3	3
HS NỮ	233	40	54	51	43	45
HS KHUYẾT TẬT	7	1	3	3		
HS DÂN TỘC	4		2	1		1
HS HCKK	16	1	2	5	6	2
II. Học sinh học 2 buổi/ngày	297			108	101	88
Số lớp học 2 buổi/ngày	9			3	3	3
HỌC SINH bán trú	361	87	86	79	55	54
Số lớp bán trú	12	3	3	2	2	2
III. Đánh giá học sinh						
Tổng số HS xếp loại các môn học	485	94	94	108	101	88
1. Tiếng Việt	485	94	94	108	101	88
Chia ra: - Hoàn thành tốt	228	48	51	56	46	27
- Hoàn thành	254	44	43	52	55	60
- Chưa hoàn thành	3	2				1
2. Toán	485	94	94	108	101	88
Chia ra: - Hoàn thành tốt	258	64	58	42	57	37
- Hoàn thành	222	29	36	66	42	49
- Chưa hoàn thành	5	1			2	2
3. Khoa học	189				101	88
Chia ra: - Hoàn thành tốt	84	x	x	x	47	37
- Hoàn thành	104				53	51
- Chưa hoàn thành	1				1	
4. Lịch sử & Địa lý	189				101	88
Chia ra: - Hoàn thành tốt	75	x	x	x	48	27
- Hoàn thành	114				53	61
- Chưa hoàn thành						
5. Ngoại ngữ	485	94	94	108	101	88
Chia ra: - Hoàn thành tốt	184	27	40	44	42	31
- Hoàn thành	300	66	54	64	59	57
- Chưa hoàn thành	1	1				
6. Hoạt động trải nghiệm	397	94	94	108	101	
Chia ra: - Hoàn thành tốt	182	35	46	51	50	
- Hoàn thành	214	58	48	57	51	
- Chưa hoàn thành	1	1				
7. Tin học	88					88
Chia ra: - Hoàn thành tốt	27					27
- Hoàn thành	61					61
- Chưa hoàn thành						

8. Đạo đức	485	94	94	108	101	88
Chia ra: - Hoàn thành tốt	242	45	44	47	59	47
- Hoàn thành	242	48	50	61	42	41
- Chưa hoàn thành	1	1				
9. Tự nhiên và Xã hội	296	94	94	108	x	x
Chia ra: - Hoàn thành tốt	151	46	53	52	x	x
- Hoàn thành	145	48	41	56		
- Chưa hoàn thành						
10. Âm nhạc- NT AN-khối 1,2,3	485	94	94	108	101	88
Chia ra: - Hoàn thành tốt	163	32	30	39	40	22
- Hoàn thành	320	60	64	69	61	66
- Chưa hoàn thành	2	2				
11. Mĩ thuật- NT MT-khối 1,2,3	485	94	94	108	101	88
Chia ra: - Hoàn thành tốt	202	38	42	50	43	29
- Hoàn thành	283	56	52	58	58	59
- Chưa hoàn thành						
12. Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	209			108	101	
Chia ra: - Hoàn thành tốt	49			49	59	x
- Hoàn thành	100			58	42	
- Chưa hoàn thành	1			1		
13. Tin học và Công nghệ (Tin học)	209			108	101	
Chia ra: - Hoàn thành tốt	146			70	76	x
- Hoàn thành	63			38	25	x
- Chưa hoàn thành						
14. Kỹ thuật	88					88
Chia ra: - Hoàn thành tốt	29					29
- Hoàn thành	59					59
- Chưa hoàn thành						
15. Thể dục-GDTC	485	94	94	108	101	88
Chia ra: - Hoàn thành tốt	187	28	41	47	42	29
- Hoàn thành	297	65	53	61	59	59
- Chưa hoàn thành	1	1				
Về năng lực (TT 22/2016)						
1. Tự phục vụ	88					88
Chia ra: - Tốt	40					40
- Đạt	48					48
- Cần cố gắng						
2. Hợp tác	88					88
Chia ra: - Tốt	37					37
- Đạt	51					51
- Cần cố gắng						
3. Tự học giải quyết vấn đề	88					88
Chia ra: - Tốt	42					42
- Đạt	45					45
- Cần cố gắng	1					1
Về phẩm chất (TT 22/2016)						
1. Chăm học chăm làm	88					88
Chia ra: - Tốt	51					51
- Đạt	37					37
- Cần cố gắng						

2. Tự tin trách nhiệm	88					88
Chia ra: - Tốt	53					53
- Đạt	35					35
- Cần cố gắng						
3. Trung thực kỷ luật	88					88
Chia ra: - Tốt	52					52
- Đạt	36					36
- Cần cố gắng						
4. Đoàn kết yêu thương	88					88
Chia ra: - Tốt	56					56
- Đạt	32					32
- Cần cố gắng						
Năng lực cốt lõi (TT27/2020)						
1.Năng lực chung (TT27/2020)	397	94	94	108	101	x
* Tự chủ&tự học	237	56	66	60	55	x
Tốt	158	36	28	48	46	
Đạt	2	2				
Cần cố gắng						
* Giao tiếp & hợp tác	397	94	94	108	101	x
Tốt	231	55	60	61	55	
Đạt	164	37	34	47	46	
Cần cố gắng	2	2				
*Giải quyết vấn đề &sáng tạo	397	94	94	108	101	x
Tốt	211	44	54	61	52	
Đạt	184	49	40	47	48	
Cần cố gắng	2	1			1	
2.Năng lực đặc thù (TT27/2020)						
*Ngôn ngữ	397	94	94	108	101	x
Tốt	233	54	62	56	61	
Đạt	161	38	32	52	39	
Cần cố gắng	3	2			1	
*Tinh toán	397	94	94	108	101	x
Tốt	229	57	57	57	58	
Đạt	165	36	37	51	41	
Cần cố gắng	3	1			2	
*Khoa học	397	94	94	108	101	x
Tốt	224	44	62	56	62	
Đạt	173	50	32	52	39	
Cần cố gắng						
*Công nghệ	209			108	101	x
Tốt	110			56	54	
Đạt	99			52	47	
Cần cố gắng						
*Tin học	209			108	101	x
Tốt	109			56	53	
Đạt	100			52	48	
Cần cố gắng						

* Thâm mĩ	397	94	94	108	101	
Tốt	200	43	53	57	47	
Đạt	197	51	41	51	54	
Cần cố gắng						
*Thể chất	397	94	94	108	101	
Tốt	207	45	58	55	49	
Đạt	190	49	36	53	52	
Cần cố gắng						
Phẩm chất chủ yếu (TT27/2020)						
1. Yêu nước	397	94	94	108	101	x
Tốt	275	58	74	68	75	
Đạt	122	36	20	40	26	
Cần cố gắng						
2.Nhân ái	397	94	94	108	101	x
Tốt	261	59	58	64	80	
Đạt	136	35	36	44	21	
Cần cố gắng						
3.Chăm chỉ	397	94	94	108	101	x
Tốt	230	48	63	55	64	
Đạt	166	45	31	53	37	
Cần cố gắng	1	1				
4.Trung thực	397	94	94	108	101	x
Tốt	249	53	64	56	76	
Đạt	148	41	30	52	25	
Cần cố gắng						
5.Trách nhiệm	397	94	94	108	101	x
Tốt	230	51	69	55	55	
Đạt	166	42	25	53	46	
Cần cố gắng	1	1				
IV. HS.K.Tật ĐG	7	1	3	3		
V. HS.K.Tật không ĐG	0	0	0			0
VI. Học sinh bỏ học	0	0	0	0	0	0

Hồng Phong, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Ngọc Lê